

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 904 /NĐND-KHĐTVT

Lạng Sơn, ngày 07 tháng 8 năm 2026

V/v thực hiện gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo
nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống
khử khoáng và hệ thống nước thải

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Công ty Nhiệt điện Na Dương – TKV có kế hoạch Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải, vậy Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV mời Quý đơn vị đến Nhà máy Nhiệt điện Na Dương khảo sát, báo giá nội dung và khối lượng công việc chi tiết như Hồ sơ yêu cầu đính kèm.

Kính mời Quý đơn vị quan tâm báo giá việc thực hiện công việc nêu trên cho Chúng tôi.

Thời hạn nộp hồ sơ báo giá: **Trước 10 giờ 00 phút, ngày 17/8/2026.**

- Địa chỉ nhận hồ sơ: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

(Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263;

Fax: 02053.844.132; E-mail: Naduong@vinacominpowers.vn và E-mail: kehoachndpc@gmail.com).

(Đối với các hồ sơ được gửi thông qua fax và e-mail thì đề nghị Quý đơn vị cung cấp bản gốc hồ sơ cho chúng tôi qua dịch vụ chuyển phát hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên trước thời gian quy định.)

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Website TKV: vinacominn.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để p/h);
- Lưu: VT, KHĐTVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Dương

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
—★—

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói cung cấp: Gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải

Phát hành ngày: Theo thông báo mời nhà cung cấp

Ban hành kèm theo Quyết định: Số: 380 /QĐ-NĐND ngày 01 / 7 /2026 của Giám đốc Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV

Tổ chuyên gia

TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Dương

Bên mời nhà cung cấp
Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Tuyên

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời nhà cung cấp	Công ty nhiệt điện Na Dương- TKV
Gói cung cấp	Gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải
Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV	Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV)
BYCBG	Bản yêu cầu báo giá

34-
TY
ĐIỆN
G-TN
HỒ CỎ
CTK
CP
-T.1

8/8

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói cung cấp này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - b. Có báo cáo tài chính năm 2025 và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế năm 2025;
 - c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - d. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo luật đấu cung cấp.
3. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nhà nước mà cá nhân đó là công dân.
 - b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật (tùy thuộc từng hoạt động cung cấp dịch vụ Người có thẩm quyền yêu cầu cụ thể về điều kiện này).
 - c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
 - d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - e) Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
4. Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Mục này được tham dự nộp hồ sơ gói cung cấp với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 2. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của BYCBG.
2. Nhà cung cấp phải nộp Báo giá cho toàn bộ công việc và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời cung cấp” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong BYCBG và không được người mua thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của BG và được mở đồng thời cùng BG của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng BG và không được ghi vào biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 3. Thành phần của Báo giá

Báo Giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 - Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 (bao gồm mẫu số 04A và 04B) Chương III - Biểu mẫu;
5. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu;
6. Các nội dung khác yêu cầu trong BYCBG (nếu có).

Mục 4. Thời gian có hiệu lực của Báo giá

1. Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Báo giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Báo giá, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Báo giá đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Báo giá của nhà cung cấp này không

được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Báo giá.

Mục 5. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Hồ sơ báo giá

1. Nhà cung cấp chuẩn bị và nộp 01 Hồ sơ báo giá trực tiếp hoặc gửi Hồ sơ báo giá theo đường bưu điện cho bộ phận văn thư (thông qua Biên bản giao nhận, giấy giới thiệu, CCCD của người đến nộp) của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp là:

Vào lúc **15 giờ 00 phút, ngày tháng 6 năm 2026**. Bộ phận văn thư có trách nhiệm bảo quản và bàn giao lại cho Tổ chuyên gia một lần tất cả các hồ sơ đã nhận ở thời điểm sau khi hết hạn nộp Hồ sơ báo giá và trước thời điểm mở Hồ sơ báo giá.

2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận Hồ sơ báo giá của tất cả nhà cung cấp nộp Hồ sơ báo giá trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp nộp Hồ sơ báo giá sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp thì Hồ sơ báo giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Hồ sơ báo giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

Trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ báo giá tham dự gói cung cấp, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế báo giá thì nhà cung cấp nộp Hồ sơ báo giá thay thế hoặc Hồ sơ báo giá sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp.

Mục 6. Mở hồ sơ tham dự gói cung cấp

1. Bên mời nhà cung cấp tiến hành mở công khai Hồ sơ báo giá của các nhà cung cấp vào lúc **15 giờ 30 phút, ngày tháng 6 năm 2026** tại Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn) trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc mở hồ sơ tham dự gói cung cấp không phụ thuộc vào số lượng nhà cung cấp tham gia, sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự.

2. Việc mở Hồ sơ báo giá tham dự gói cung cấp được thực hiện đối với từng Hồ sơ báo giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản Hồ sơ báo giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: Tên nhà cung cấp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Báo giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời nhà cung cấp thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời nhà cung cấp phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có),

bản cam kết thực hiện gói cung cấp. Bên mời nhà cung cấp không được loại bỏ bất kỳ Hồ sơ báo giá nào khi mở hồ sơ tham dự gói cung cấp, trừ các Hồ sơ báo giá nộp sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

3. Bên mời nhà cung cấp phải lập biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời nhà cung cấp và các nhà cung cấp tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự gói cung cấp.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

Mục 8. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của ĐLTKV (<http://dienluctkv.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 9. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Hồ sơ báo giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, người mua tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế

nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong BYCBG thì người mua sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, người mua sẽ huỷ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Người mua phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V. Dự thảo hợp đồng ban hành kèm BYCBG này. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 06 Chương V. Dự thảo hợp đồng hoặc một mẫu khác được người mua chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 11. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người mua: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263);
- b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263)
- c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của bên mời nhà cung cấp: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263).

Mục 12. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm

8/8
7

vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263.

Mục 13. Ưu đãi trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp:

Trường hợp Báo giá của các nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) ngang nhau thì ưu tiên nhà cung cấp có trụ sở chính đóng trên địa bàn nơi mời nhà cung cấp.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BÁO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Báo giá

1.1. Kiểm tra Báo giá

Kiểm tra các thành phần của Báo giá theo yêu cầu tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Báo giá

Báo giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Báo giá;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của BYCBG. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong BYCBG;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp;
- đ) Thời gian có hiệu lực của Báo giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 4 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Không có tên trong hai hoặc nhiều Báo giá với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- g) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;
- h) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải trong đơn chào hàng;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

Báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt” và khi đó sẽ được tiếp tục xem xét về mặt tài chính. Báo giá có bất kỳ một nội dung nào trong các tiêu chí trong bảng dưới đây được đánh giá là không đạt thì Báo giá đó không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Yêu cầu kỹ thuật thi công	- Khối lượng đầy đủ theo phạm vi công việc tại Chương V của BYCBG. - Có biện pháp thi công, phương án tổ chức thi công hợp lý, chi tiết, khả thi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng của từng nội dung công việc theo yêu cầu tại Chương V của BYCBG.	Đạt
	Không đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu nêu trên	Không đạt
2. Yêu cầu về tiến độ thi công	Thời gian thực hiện gói cung cấp ≤ 90 ngày	Đạt
	Thời gian thực hiện gói cung cấp > 90 ngày	Không đạt
3. Yêu cầu về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường	- Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi theo yêu cầu tại Chương V của BYCBG. - Có cam kết theo yêu cầu tại Chương V của BYCBG.	Đạt
	Không đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu nêu trên	Không đạt
4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì	- Có cam kết bảo hành theo yêu cầu tại Chương V của BYCBG do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký.	Đạt
	- Không có cam kết bảo hành theo yêu cầu tại Chương V của BYCBG do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký.	Không đạt
5. Yêu cầu khác	- Có cam kết cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ, chất lượng của thiết bị cung cấp cho gói cung cấp. - Có cam kết cung cấp đủ nhân sự và thiết bị để thực hiện gói cung cấp, cam kết chịu trách nhiệm về an toàn cho nhân sự và thiết bị của nhà cung cấp trong quá trình thực hiện gói cung cấp.	Đạt
	Không có cam kết 1 trong 2 yêu cầu nêu trên	Không đạt
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Mục 4. Xác định giá chào

Xác định giá chào theo phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà cung cấp. Báo có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong BYCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong BYCBG ;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho

ràng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một gói cung cấp trong BG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với gói cung cấp này trong số các BG của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BG của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của gói cung cấp này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp này; trường hợp BG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói cung cấp: ____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Bản yêu cầu báo giá số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói cung cấp ____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
4. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp.
5. Có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải.
6. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).
- (2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.
- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.
- (4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của BYCBG
- (5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của BYCBG
- (6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà cung cấp độc lập. Nếu nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp phải trình người mua bản chụp được chứng thực các văn bản này.

703.
NG TY
DIỆN
NG-T
NG C
CTK
CP
T.LP

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại -- [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp [Ghi tên gói cung cấp] do [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên

quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên BYCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chào hàng gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho người mua theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBGCHCTRG và văn bản giải trình, làm rõ BG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ - ____
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ - ____

....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói cung cấp	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;
 - Huỷ lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp ____ [Ghi tên gói cung cấp] theo thông báo của bên mời nhà cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá dự cung cấp
1	Giá chào của hàng hóa	^(M) [Trích xuất từ Mẫu 04A]
2	Dịch vụ liên quan	^(I) [Trích xuất từ Mẫu 04B]
	Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)	(M) + (I)

Ghi chú:

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về tài chính đối với các HSDX, đề nghị các nhà cung cấp chào giá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.
- Trường hợp nhà cung cấp không công bố giá chào đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8% hoặc không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 8%.
- Trường hợp nhà cung cấp chào giá và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 8% thì khi đánh giá về tài chính đối với HSDX của nhà cung cấp đó, bên mời cung cấp sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 8%.

BẢNG GIÁ HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
1	Cung cấp, lắp đặt bộ bể định lượng Acid tái sinh cho SAC (Cà bồn và nắp)					Theo quy định tại Chương V	Bộ	1,0		M1
2	Cung cấp mới, lắp đặt bể định lượng acid tái sinh cho MB và cấp cho hồ trung hoà						Bộ	2,0		M2
3	Cung cấp, lắp đặt Cung cấp mới bể hấp thụ acid bể chứa acid Ø 250x300 mm						Bộ	1,0		M3
4	Cung cấp, lắp đặt mới bể hấp thụ acid bể định lượng acid Ø200x200 mm						Bộ	1,0		M4
5	Thước đo mức axit và kiềm 700mm						Bộ	2,0		M5
6	Thước đo mức axit 450mm						Bộ	2,0		M6
7	Thước đo mức bể kiềm 1100 mm						Bộ	2,0		M7
Tổng giá chào hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)										

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: --- [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói cung cấp: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: _____ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do _____ [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết:

- Cam kết thực hiện gói cung cấp _____ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong Bản yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn được duyệt.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải cam kết theo mẫu này.

Chương IV. YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Hàng hóa và dịch vụ liên quan đáp ứng yêu cầu theo bảng sau:

Bảng số 01. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Stt	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Mô tả yêu cầu kỹ thuật	Tài liệu chứng minh
1	Cung cấp, lắp đặt bộ bể định lượng Acid tái sinh cho SAC (Cả bồn và nắp)	Bộ	1,0	Cung cấp, lắp đặt bộ bể định lượng Acid tái sinh cho SAC (Cả bồn và nắp) bao gồm các phụ kiện đi kèm như: Van, đường ống, gioăng, bulong, thang đo mức 'Đường kính Ø600x900 mm, nhựa Polime dày 6mm chịu dung dịch axit HCL30%. Đáp ứng dung tích và kích thước lắp đặt phù hợp Theo bản vẽ số A3-EE220130A-05-03; bao gồm phụ kiện:	*
2	Cung cấp mới, lắp đặt bể định lượng acid tái sinh cho MB và cấp cho hồ trung hoà	Bộ	2,0	Cung cấp mới, lắp đặt bể định lượng acid tái sinh cho MB và cấp cho hồ trung hoà; Bao gồm các phụ kiện đi kèm: Van, đường ống, gioăng, bulong, thang đo mức Kích thước: Ø400x600 mm, nhựa Polime dày 6mm chịu dung dịch axit HCL30%. Đáp ứng dung tích và kích thước lắp đặt phù hợp Theo bản vẽ số A3-EE220130A-05-04; bao gồm phụ kiện:	*
3	Cung cấp, lắp đặt Cung cấp mới bể hấp thụ acid bể chứa acid Ø 250x300 mm	Bộ	1,0	Cung cấp, lắp đặt Cung cấp mới bể hấp thụ acid bể chứa acid Ø 250x300 mm; Bao gồm các phụ kiện đi kèm: Gioăng, bulong, đường ống kết nối, van. Kích thước: Ø 250x300 mm, nhựa Polime dày 6mm chịu dung dịch axit HCL30%. Đáp ứng dung tích và kích thước lắp đặt phù hợp Theo bản vẽ số A3-EE220130A-10-08; bao gồm phụ kiện:	*
4	Cung cấp, lắp đặt mới bể hấp thụ acid bể định lượng acid Ø200x200 mm	Bộ	1,0	Cung cấp, lắp đặt mới bể hấp thụ acid bể định lượng acid Ø200x200 mm; Bao gồm các phụ kiện đi kèm: Gioăng, bulong, đường ống kết nối, van Kích thước: Ø200x200 mm, nhựa Polime dày 6mm chịu dung dịch axit HCL30%. Đáp ứng dung tích và kích thước lắp đặt phù hợp Theo bản vẽ số A3-EE220130A-10-07	*
5	Thước đo mức axit và kiềm 700mm	Bộ	2,0	Thước đo mức axit và kiềm 700mm 'Size 1", nhựa UPVC SCH40, Dài 700mm	*
6	Thước đo mức axit 450mm	Bộ	2,0	Thước đo mức axit 450mm 'Size 1", nhựa UPVC SCH40, Dài 450mm	*
7	Thước đo mức bể kiềm 1100 mm	Bộ	2,0	Thước đo mức bể kiềm 1100 mm 'Model No: MA-3G2C002A0-1100mm LN (hoặc tương đương)	(*) và (**)

Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa bao gồm”

(*) Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất).

(**) Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng **tương đương** thì nhà cung cấp phải nộp theo Hồ sơ báo giá các tài liệu bao gồm:

(1) Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, kích thước lắp đặt với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột “Mô tả yêu cầu kỹ thuật”;

(2) Bảng so sánh chi tiết các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất với hàng hóa được bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột “Mô tả yêu cầu kỹ thuật” để chứng minh sự tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ).

Bảng số 02. Phạm vi cung cấp dịch vụ

STT	Mô tả dịch vụ	ĐVT	Khối lượng	Yêu cầu kết quả đầu ra
I	HỆ THỐNG KHỬ KHOÁNG			
1	Phá dỡ nền gạch lá nem	m2	38,2840	
2	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m2	38,2840	Đúng quy cách, vuông vắn, thẩm mỹ
3	Xây gạch đất sét nung 5x10x20, xây gổ đỡ ống, rãnh thoát nước, vữa XM M75, PCB30	m3	1,9712	Đúng quy cách, không nứt vỡ, phẳng, thẩm mỹ
4	Bê tông nền, đá 1x2, vữa BT M250, PCB40	m3	3,830	Đúng quy cách, vuông vắn, phẳng bề mặt, thẩm mỹ
5	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PCB40	m2	18,240	Đúng quy cách, phẳng bề mặt, không nứt rạn, thẩm mỹ
6	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	38,2840	Đúng quy cách, phẳng bề mặt, không nứt rạn, thẩm mỹ
7	Đục nhám mặt bê tông	m2	17,4760	
8	Ván khuôn gia cố móng dài, bệ máy	m2	3,7480	
9	Bê tông nền, đá 1x2, vữa BT M200, PCB30	m3	3,2232	Đúng quy cách, không nứt vỡ, phẳng, thẩm mỹ
10	Xây gạch đất sét nung 5x10x20, xây gổ đỡ ống, rãnh thoát nước, vữa XM M75, PCB30	m3	0,7392	Đúng quy cách, vuông vắn, thẩm mỹ
11	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PCB40	m2	16,080	Đúng quy cách, vuông vắn, phẳng bề mặt, thẩm mỹ
12	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	16,1160	Đúng quy cách, phẳng bề mặt, không nứt rạn, thẩm mỹ
13	Sơn nền, sàn bê tông bằng sơn Nishu Epoxy EF (hoặc tương đương), 1 nước lót, 1 nước đệm, 1 nước phủ	m2	48,4180	Đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, không thấm, rò rỉ nước qua chân tường, rãnh, Sơn đảm bảo có giấy chứng nhận chất lượng của hãng
14	Gia công lắp đặt hệ thống khung, giá đỡ để treo các cơ cấu thiết bị hiện hữu để đảm bảo vận hành trong quá trình sửa chữa	HT	1,0	Đúng tiêu chuẩn và quy cách, đảm bảo hiện trạng ban đầu của hệ thống
15	Tháo dỡ các kết cấu thép, sàn thao tác, sàn băng tải, sàn nhà công nghiệp	tấn	0,5971	
16	Bốc xếp sắt thép các loại	tấn	0,5971	
17	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - sắt thép các loại	tấn	0,5971	
18	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - sắt thép các loại	tấn	0,5971	
19	Xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào 1,25m3	100m3	0,0346	
20	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 0,5T	m3	1,9142	
21	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 0,5T	m3	1,9142	
22	Vận chuyển đá sau nổ mìn bằng ô tô tự đổ 5 tấn trong phạm vi ≤ 1000m	100m3	0,0191	
23	Vận chuyển đá sau nổ mìn bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 5km	100m3/ 1km	0,0191	

24	Vệ sinh mặt bằng thi công, NC 3.5/7 nhóm II	công	2,0	Đảm bảo sạch sẽ
25	Cạo ri các kết cấu thép	m2	5,0	
26	Sơn chống ăn mòn vào kết cấu thép khác	m2	5,0	Sơn phẳng đúng quy cách, thẩm mỹ
27	Sơn nền, sàn bê tông bằng sơn Nishu Epoxy EF (hoặc tương đương), 1 nước lót, 1 nước đệm, 1 nước phủ	m2	34,6020	Đảm bảo chất lượng, đúng quy cách, thẩm mỹ, không thấm, rò rỉ nước qua chân tường, rãnh, đảm bảo không bị ăn mòn, bong tróc trong thời gian bảo hành, Sơn đảm bảo có giấy chứng nhận chất lượng của hãng
28	Sơn chống ăn mòn vào kết cấu thép khác	m2	94,4760	Đảm bảo chất lượng, đúng quy cách, thẩm mỹ, không thấm, rò rỉ nước qua chân tường, rãnh, đảm bảo không bị ăn mòn, bong tróc trong thời gian bảo hành, Sơn đảm bảo có giấy chứng nhận chất lượng của hãng
II HỆ THỐNG NƯỚC THẢI				
29	Đục nhám mặt bê tông	m2	30,250	
30	Bê tông nền, đá 1x2, vữa BT M200, PCB30	m3	3,0250	Đúng quy cách, không nứt vỡ, phẳng, thẩm mỹ
31	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PCB40	m2	18,240	Đúng quy cách, vuông vắn, phẳng bề mặt, thẩm mỹ
32	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	38,2840	Đúng quy cách, phẳng bề mặt, không nứt rạn, thẩm mỹ
33	Xây gạch đất sét nung 5x10x20, xây gói đỡ ống, rãnh thoát nước, vữa XM M75, PCB40	m3	0,8624	Đúng quy cách, vuông vắn, thẩm mỹ
34	Trát tường ngoài chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PCB40	m2	15,960	Đúng quy cách, vuông vắn, phẳng bề mặt, thẩm mỹ
35	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	30,250	Đúng quy cách, phẳng bề mặt, không nứt rạn, thẩm mỹ
36	Sơn nền, sàn bê tông bằng sơn Nishu Epoxy EF (hoặc tương đương), 1 nước lót, 1 nước đệm, 1 nước phủ	m2	41,250	Đảm bảo chất lượng, đúng quy cách, thẩm mỹ, không thấm, rò rỉ nước qua chân tường, rãnh, đảm bảo không bị ăn mòn, bong tróc trong thời gian bảo hành, Sơn đảm bảo có giấy chứng nhận chất lượng của hãng

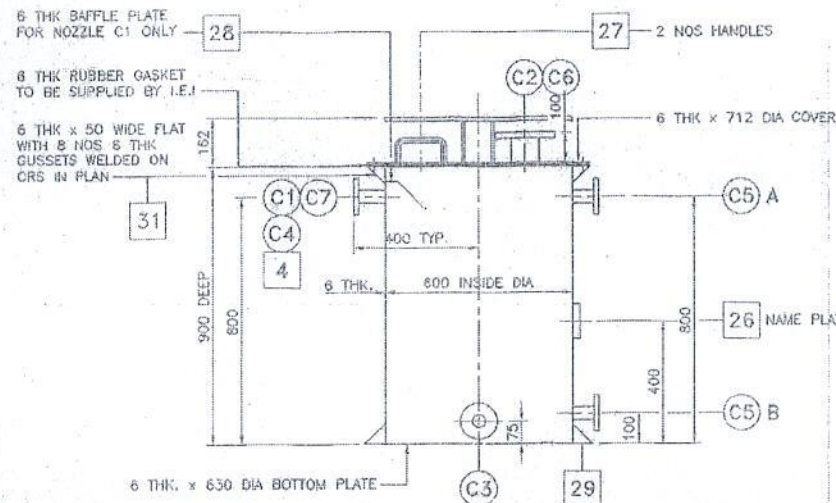
Mục 2. Tiến độ cung cấp.

Tiến độ thực hiện gói cung cấp ≤ 90 ngày

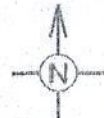
Mục 3. Yêu cầu về nhân sự và thiết bị

Nhà cung cấp cam kết bố trí đủ nhân sự và thiết bị để thực hiện gói cung cấp đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ của gói cung cấp.

Tự chịu trách nhiệm về an toàn cho nhân sự và thiết bị của nhà cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

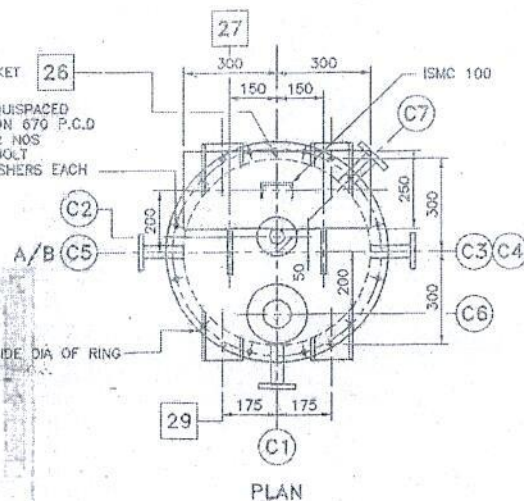


ELEVATION



NAME PLATE BRACKET

12 NOS 15 DIA EQUISPACED HOLES OFF CRS. ON 670 P.C.D. I.E.I TO SUPPLY 12 NOS 12 DIA x 40 LG. BOLT WITH NUT & 2 WASHERS EACH



FOR APPROVAL

Marubeni

IMPORTANT :-
FOR CORRECT LOCATION OF CONNECTIONS, LEGS ETC. REFER PLAN VIEW

LIST OF CONNECTIONS

MARK	DESCRIPTION	SIZE NB	REMARKS
C1	ACID INLET	32	SEE NOTE NO. 2
C2	OUTLET	40	-
C3	DRAIN	32	SEE NOTE NO. 2
C4	OVERFLOW	32	SEE NOTE NO. 2
C5A/B	LEVEL INDICATOR	32	SEE NOTE NO. 2
C6	LEVEL SWITCH	80	-
C7	SPARE	40	WITH BLIND FLANGE

DESIGN DATA

DESIGN PRESSURE	ATMOSPHERIC
DESIGN TEMPERATURE	AMBIENT (50°C)
TEST PRESSURE	FULL OF WATER
DESIGN CODE	GOOD ENGINEERING PRACTICE
FLANGE STANDARD	ANSI B16.5 150# SOFF (OFF CRS)
EMPTY WEIGHT	100 kg.
INSPECTION BY	IEI

MATERIAL OF CONSTRUCTION

SHELL, BOTTOM PL & TOP COVER	IS 2082 GR B.
NOZZLE NECK	A 108 GR B SCH. 40
STRUCTURALS & OTHER ATTACHMENTS	IS 2082 GR B.
FLANGES	IS 2082 GR B.
GASKETS	NATURAL RUBBER (BY IEI)
BOLTS AND NUTS	SA 193 GR B7 / SA 194 GR 2H
INSIDE LINING	4.5 THK NATURAL RUBBER
CODE FOR LINING	IS 4682 PART 1
SURFACE PREPARATION	AS PER IEI SPECIFICATION
PAINTING AT SHOP	AS PER IEI SPECIFICATION
PAINTING AT SITE	AS PER IEI SPECIFICATION
KKS CODE :-	0 GNN 41 BB 020
SERVICE :-	ACID MEASURING TANK (FOR N. PIT)
NOS. OFF :-	ONE
SHIPPING DIMENSIONS	850 x 850 x 1100 HIGH

NOTE :-

- FOR FABRICATION DETAILS REFER DRG. NO. (A2-EE220130-10-01) & 02
- 25 NB ANSI B16.5 150# SOFF (OFF CRS) FLANGE TO BE WELDED ON 32 NB PIPE.

OWNER

VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION

CONSULTANT

CONSORTIUM - COLESCO / FICHTNER

PROJECT

NA DUONG COAL - FIRED THERMAL POWER PLANT, VIETNAM (CONTRACT NO. 09/01/02)

CONTRACTOR

CONSORTIUM - MARUBENI CORP. JAPAN / VIETNAM MACHINERY REACTION CORP. VIETNAM.

TITLE

600 DIA x 900 DEEP ACID MEASURING TANK

PROJECT CONTROL NO.

ND-C08-M-01-0070

REV.

/

DRAWN BY

HKB

CHECKED BY

HKB

APPROVED BY

HKB

PROCESS/ MECH

PCW

DATE

09.09.2002

CONTRACT NO

E220130

DRG. BASED ON

NO

SCALE

1 : 10

PROJECTION

FIRST ANGLE

TITLE

600 DIA x 900 DEEP

DRAWING NO.

A3-EE220130B-05-03

REV.

2

NO	DATE	REVISION	APPROVED BY	APPROVED BY
2	06-12-02	KKS CODE REVISED	SIR	PCW
1	07-11-02	REVISED AS MARKED	SIR	PCW
1	07-11-02	REVISED AS MARKED	SIR	PCW

THIS PRINT IS THE PROPERTY OF ION EXCHANGE (INDIA) LTD. IT IS TO BE USED ONLY FOR THE PURPOSE FOR WHICH IT WAS LOANED AND MUST NOT BE USED IN ANY WAY DETRIMENTAL TO THE INTEREST OF THIS COMPANY AND IS SUBJECT TO RETURN ON DEMAND.

ION EXCHANGE (INDIA) LTD.
INTERNATIONAL DIVISION FAX NO.
61-22-760 5122
62-21-478 69367
66-2-581 7484
284-2-337 730

ION EXCHANGE (INDIA) LTD.
INTERNATIONAL DIVISION FAX NO.
61-22-760 5122
62-21-478 69367
66-2-581 7484
284-2-337 730

CIVIL
ELECTRICAL
MECHANICAL
PROCESS/ MECH
PCW

DRAWN BY
HKB
CHECKED BY
HKB
APPROVED BY
HKB
PROCESS/ MECH
PCW

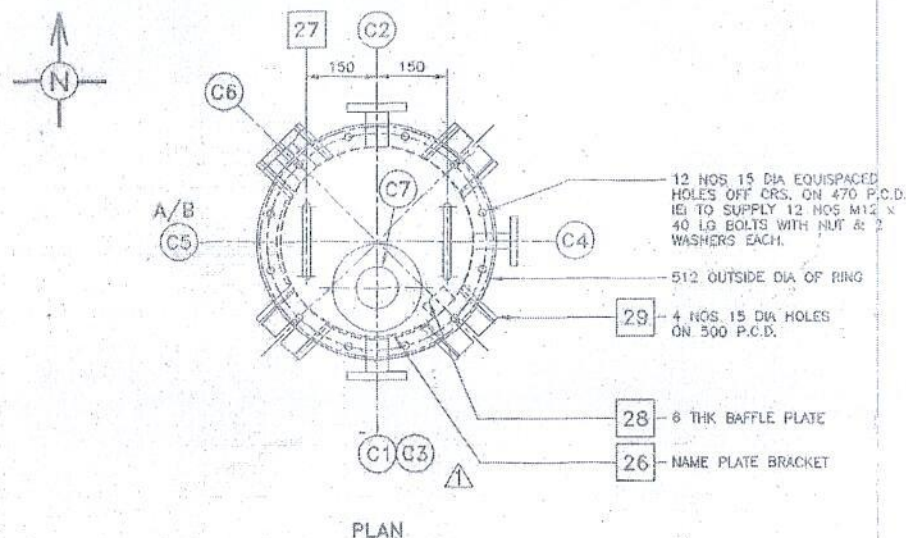
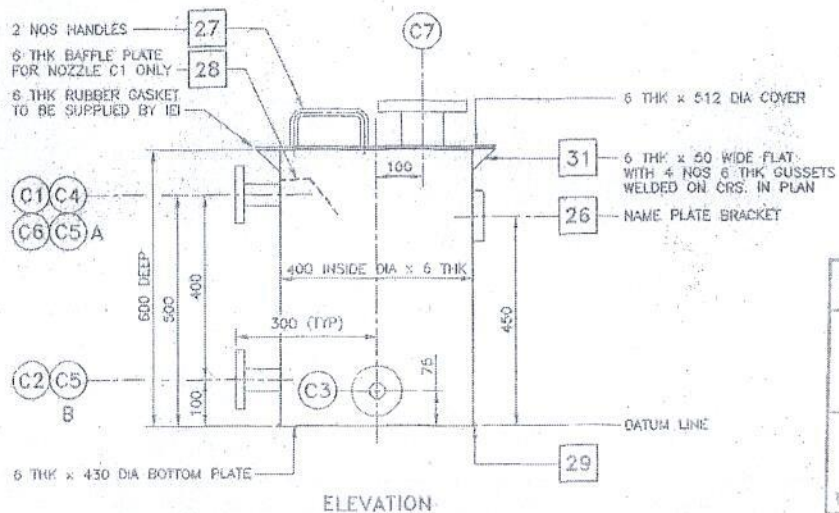
DATE
09.09.2002
CONTRACT NO
E220130
DRG. BASED ON
NO

SCALE
1 : 10
PROJECTION
FIRST ANGLE

TITLE
600 DIA x 900 DEEP
ACID MEASURING TANK
DRAWING NO.
A3-EE220130B-05-03
REV.
2

STT (2)

FILE NAME :- EE130A050A.DWG



VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION (VNACORP)
 MANAGEMENT BOARD OF NA DUONG TPF PROJECT

ACCEPTED
 66-KT

DATE: 30/11/02
 SIGNATURE: [Signature]

FOR APPROVAL
 [Signature]

THIS DRAWING IS ISSUED FOR

1. TENDER
 2. COMMENTS/APPROVAL
 3. RECORD/INFORMATION
 4. FINAL APPROVAL
 5. NOTATION
 6. MANUFACTURING/CONSTRUCTION
 7. AS BUILT
 8. DOCUMENTATION / AS BUILT

DATE: 22/11/02
 INITIALS: [Signature]
 ION EXCHANGE (INDIA) LTD.

IMPORTANT :-
 FOR CORRECT LOCATION OF CONNECTIONS / LEGS ETC. REFER PLAN VIEW

LIST OF CONNECTIONS

MARK	DESCRIPTION	SIZE NB	REMARKS
C1	ACID INLET	32	SEE NOTE NO. 2
C2	OUTLET	32	SEE NOTE NO. 2
C3	DRAIN	32	SEE NOTE NO. 2
C4	OVERFLOW	32	SEE NOTE NO. 2
C5A/B	LEVEL INDICATOR	32	SEE NOTE NO. 2
C6	SPARE	40	WITH BLIND FLANGE
C7	LEVEL SWITCH	80	

DESIGN DATA

DESIGN PRESSURE	ATMOSPHERIC
DESIGN TEMPERATURE	AMBIENT (50°C)
TEST PRESSURE	FULL OF WATER
DESIGN CODE	GOOD ENGINEERING PRACTICE
FLANGE STANDARD	ANSI B16.5 150# SOFF (OFF CRS)
EMPTY WEIGHT	100 kg.
INSPECTION BY	IEI

MATERIAL OF CONSTRUCTION

SHELL, BOTTOM PL & TOP COVER	IS 2082 GR B.
NOZZLE NECK	A 106 GR B SCH. 40
STRUCTURALS & OTHER ATTACHMENTS	IS 2082 GR B.
FLANGES	IS 2082 GR B.
GASKETS	NATURAL RUBBER (BY IEI)
BOLTS AND NUTS	SA 193 GR B7 / SA 194 GR 2H
INSIDE LINING	4.5 THK NATURAL RUBBER
CODE FOR LINING	IS 4682 PART 1
SURFACE PREPARATION	AS PER IEI SPECIFICATION
PAINTING AT SHOP	AS PER IEI SPECIFICATION
PAINTING AT SITE	AS PER IEI SPECIFICATION
KKS CODE :-	0 GCH 33 BB 010
SERVICE :-	ACID MEASURING TANK (FOR MB)
NOS. OFF :-	ONE
SHIPPING DIMENSIONS:-	650 x 650 x 750 HIGH

NOTE :-

- FOR FABRICATION DETAILS REFER DRG. NO. A2-EE220130-10-01 & 02
- 25 NB ANSI B16.5 150# SOFF (OFF CRS) FLANGE TO BE WELDED ON 32 NB PIPE.

OWNER

VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION

CONSULTANT

CONSORTIUM - COLENCO / FICHTNER

PROJECT

NA DUONG COAL - FIRED THERMAL POWER PLANT, VIETNAM (CONTRACT NO. BND)

CONTRACTOR

CONSORTIUM - MARUBENI CORP. JAPAN / VIETNAM MACHINERY ERECTION CORP. VIETNAM

TITLE

400 DIA x 600 DEEP ACID MEASURING TANK

PROJECT CONTROL NO. ND-C07-04-01-0008

REV. 2

DATE 25.03.2002

SCALE 1 : 10

CONTRACT NO. EE220130A

PROJECTION

DRG. BASED ON

NO

APPRO. BY

PROCESS/ MECH

APPRO. BY

NO

400 DIA x 600 DEEP ACID MEASURING TANK

DRAWING NO.

A3-EE220130A-05-04

REV.

2

NO	DATE	REVISION	APPROVED BY
2	27/11/02	KKS CODE REVISED.	[Signature]
1	07/11/02	NOZZLE '03' ORIENTATION & REVISED AS MARKED	[Signature]

THIS PRINT IS THE PROPERTY OF ION EXCHANGE (INDIA) LTD. IT IS TO BE USED ONLY FOR THE PURPOSE FOR WHICH IT WAS LOANED AND MUST NOT BE USED IN ANY WAY DETRIMENTAL TO THE INTEREST OF THIS COMPANY AND IS SUBJECT TO RETURN ON DEMAND.

ION IS THE REGISTERED TRADE MARK OF ION EXCHANGE (INDIA) LIMITED.

ION EXCHANGE (INDIA) LTD.
 INTERNATIONAL DIVISION FAX NO.
 01-22-769 9122
 02-21-478 89367
 66-2-381 7464
 294-2-337 750

CIVIL	[Signature]
ELEC/ INSTR	[Signature]
PROCESS/ MECH	[Signature]

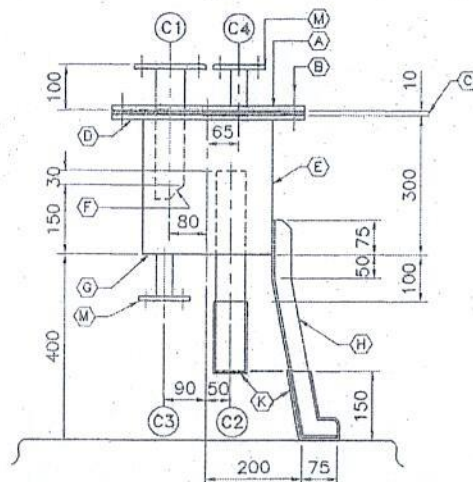
DRAWN BY	MRK
CHECKED BY	[Signature]
APPRO. BY	[Signature]

DATE	25.03.2002
CONTRACT NO.	EE220130A
DRG. BASED ON	NO

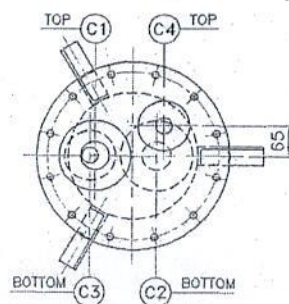
SCALE	1 : 10
PROJECTION	[Symbol]

TITLE	400 DIA x 600 DEEP ACID MEASURING TANK
DRAWING NO.	A3-EE220130A-05-04
REV.	2

WIN * M.S.C.



ELEVATION



ORIENTATION PLAN

- (A) - 250 NEX406 O/Dx10 THK. BLIND FLG. WITH 12 NOS. 15# HOLES 362 P.C.D. OFF CRS.
- (B) - 12 NOS. M12 X 50 LG. FULLY THREADED BOLTS WITH 1 NUT & 1 WASHER EACH
- (C) - 3 THK. NATURAL RUBBER GASKET
- (D) - 250 NEX406 O/Dx10 THK. FLG. WITH 12 NOS. 15# HOLES 362 P.C.D. OFF CRS.
- (E) - 250 NB PIPE IS 3589 ERW CARBON STEEL 4.78mm THK.
- (F) - CUT OPEN END AT 45°
- (G) - 273 OD X 5 THK. BOTTOM PLATE
- (H) - 3 NOS. ISA 40x40x5 THK. EQUI-SPACED
- (K) - RUBBER LINING 3 THK.
- (M) - 25 NB FLANGE TO BE WELDED ON 32 NB PIPE

MK. NO.	DESCRIPTION	NOS.	SIZE
C1	INLET	1	40
C2	OUTLET	1	40
C3	DRAIN	1	32
C4	WATER INLET	1	32

FUME ABSORBER

MATERIAL :- MSR/L

NOS. OFF :- 1 NO.

MARK NO. :- EE220130A/00 GCN 26 BB 003

TOTAL EMPTY WT.: 40 kg

FOR INFORMATION

Marubeni

VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION (VINACOA)
MANAGEMENT BOARD OF NA DUONG TPP PROJECT

ACCEPTED

1348 -KT

DATE: 20/6/2003

SIGNATURE:

NOTES :

1. ALL DIMENSIONS ARE IN MM. UNLESS OTHERWISE SPECIFIED.
2. ALL FLANGES DRILLED TO ANSI B16.5 150# SOFF x 10 THK. UNLESS OTHERWISE SPECIFIED. FLANGE MATERIAL: IS:2062
3. NOZZLE NECK UPTO 150 NB : IS 1239(M)
4. INSIDE LINING 3 THK RUBBER AS PER IS 4682 PART 1
5. FOR PAINTING SPEC. REFER RESPECTIVE CONTRACT PIPING SPECIFICATIONS.

OWNER

VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION

CONSULTANT

CONSORTIUM - COLENCO / FICHTNER

PROJECT

NA DUONG COAL - FIRED THERMAL POWER
PLANT, VIETNAM (CONTRACT NO.01/ND)

CONTRACTOR

CONSORTIUM - MARUBENI CORP., JAPAN/
VIETNAM MACHINERY ERECTION CORP.,
VIETNAM.

TITLE

FUME ABSORBER FOR BULK ACID TANK

PROJECT CONTROL NO.

ND-C07-M-M-IEI-0106

REV.
0

THIS PRINT IS THE PROPERTY OF ION EXCHANGE (INDIA) LTD. IT IS TO BE USED ONLY FOR THE PURPOSE FOR WHICH IT WAS LENT AND MUST NOT BE USED IN ANY WAY DETRIMENTAL TO THE INTEREST OF THIS COMPANY AND IS SUBJECT TO RETURN ON DEMAND.

ION EXCHANGE (INDIA) LTD.
INDIA IS THE REGISTERED
TRADE MARK OF ION EXCHANGE
(INDIA) LIMITED.

ION EXCHANGE (INDIA) LTD.
INTERNATIONAL DIVISION FAX NO.
INDIA 91-22-769 9122
INDONESIA 62-21-478 69367
THAILAND 66-2-381 7464
KENYA 254-2-337 730

CIVIL	DRAWN BY SJR/CHETAN	DATE 14.11.2002	SCALE 1 : 10
ELEC/ INST	CHECKED BY	CONTRACT HQ EE220130A	PROJECTION
PROCESS/ MECH	APPROD. BY	DRG. BASED ON	

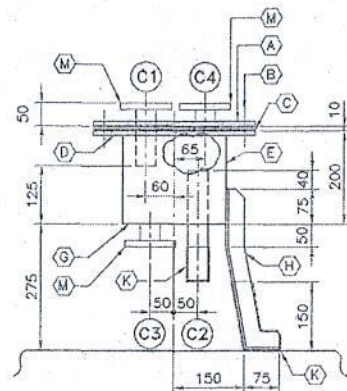
TITLE
FUME ABSORBER FOR
BULK ACID TANK

DRAWING NO.
A3-EE220130A-10-08

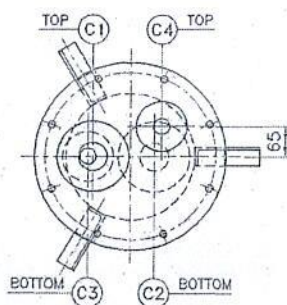
REV.
0

MK	DATE	AMENDMENT	APR.	CIVIL	ELE/INST/MECH	APPROVED BY

STT (4)



ELEVATION



ORIENTATION PLAN

(A) - 200 NEX343 O/Dx10 THK. BLIND
FLG. WITH 8 NOS. 15 ϕ HOLES
298 P.C.D. OFF CRS.

(B) - 8 NOS. M12 X 50 LG.
FULLY THREADED BOLTS
WITH 1 NUT & 1
WASHER EACH

(C) - 3 THK. NATURAL RUBBER
GASKET

(D) - 200 NEX343 O/Dx10 THK.
FLG. WITH 8 NOS. 15 ϕ HOLES
298 P.C.D. OFF CRS.

(E) - 200 NB PIPE
IS 3589 ERW
CARBON STEEL
4.78mm THK.

(G) - 219 OD X 5 THK.
BOTTOM PLATE

(H) - 3 NOS. ISA 40x40x5 THK.
EQUI- SPACED

(K) - RUBBER LINING 3 THK.

(M) - 25 NB FLANGE TO BE WELDED
ON 32 NB PIPE

MK. NO.	DESCRIPTION	NOS.	SIZE
C1	INLET	1	32
C2	OUTLET	1	32
C3	DRAIN	1	32
C4	WATER INLET	1	32

FUME ABSORBER

MATERIAL :- MSR/L

NOS. OFF :- 3 NOS.

MARK NO. :- EE220130A/0 GCN 28 BB 005

EE220130A/0 GCN 30 BB 007

EE220130A/0 GCN 32 BB 009

TOTAL EMPTY WT.: 40 kg

FOR INFORMATION

Marubeni

VIET NAM NATIONAL COAL CORPORATION (VINA COAL)
MANAGEMENT BOARD OF NA DUONG TPP PROJECT

ACCEPTED

1348-KT

DATE: 26/6/03

SIGNATURE:

NOTES :

1. ALL DIMENSIONS ARE IN MM. UNLESS OTHERWISE SPECIFIED.
2. ALL FLANGES DRILLED TO ANSI B16.5 150# SOFF x 10 THK. UNLESS OTHERWISE SPECIFIED. FLANGE MATERIAL: IS:2062
3. NOZZLE NECK UPTO 150 NB : IS 1239(M)
4. INSIDE LINING 3 THK RUBBER AS PER IS 4682 PART 1
5. FOR PAINTING SPEC, REFER RESPECTIVE CONTRACT PIPING SPECIFICATIONS.

OWNER

VIETNAM NATIONAL COAL CORPORATION

CONSULTANT

CONSORTIUM - COLENCO / FICHTNER

PROJECT

NA DUONG COAL - FIRED THERMAL POWER
PLANT, VIETNAM (CONTRACT NO.01/ND)

CONTRACTOR

CONSORTIUM - MARUBENI CORP., JAPAN /
VIETNAM MACHINERY ERECTION CORP.,
VIETNAM

TITLE

FUME ABSORBER FOR ACID MEASURING TANKS

PROJECT CONTROL NO.

ND-C07-M-M-IEI-0105

REV.

0

								THIS PRINT IS THE PROPERTY OF ION EXCHANGE (INDIA) LTD. IT IS TO BE USED ONLY FOR THE PURPOSE FOR WHICH IT WAS LENT AND MUST NOT BE USED IN ANY WAY DETRIMENTAL TO THE INTEREST OF THIS COMPANY AND IS SUBJECT TO RETURN ON DEMAND.		ION IS THE REGISTERED TRADE MARK OF ION EXCHANGE (INDIA) LIMITED.		ION EXCHANGE (INDIA) LTD. INTERNATIONAL DIVISION FAX NO. INDIA 91-22-769 9122 62-21-478 69367 THAILAND 66-2-381 7464 KENYA 254-2-337 730		CIVIL	DRAWN BY SJR/CHETAN	DATE 14.11.2002	SCALE 1 : 10	TITLE FUME ABSORBER FOR ACID MEASURING TANKS			
A	23	12	02	DIMENSION ADDED AS SHOWN		SSV							ELEC/ INST	CHECKED BY	CONTRACT NO EE220130A	PROJECTION 					
MR	DATE	AMENDMENT			APPR.	CIVIL	ELE/INS/P/MECH							PROCESS/ MECH	APPRD. BY	DRG.BASED ON			DRAWING NO. A3-EE220130A-10-07	REV. A	
						APPROVED BY															

Chương V: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2026/HĐSXKD-ND

Căn cứ:

Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Căn cứ Quyết định định sốngày tháng.....năm..... của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc

Căn cứ nhu cầu, chức năng, quyền hạn và khả năng của hai bên;

Hôm nay, Tại Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Tài khoản số:

BÊN B:

Đại diện

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Hai bên cùng thỏa thuận, nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng:

Bên A đồng ý thuê Bên B thực hiện gói cung cấp: Sửa chữa, cải tạo nền; rãnh; thiết bị cấp hoá chất khu vực hệ thống khử khoáng và hệ thống nước thải theo danh mục tại phụ lục kèm theo.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện: 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết.

Điều 3: Trách nhiệm của hai bên:

3.1. Trách nhiệm của bên A:

Thông báo cho Bên B về nội dung công việc, khối lượng dự kiến và tiến độ yêu cầu của công việc cần thực hiện;

Lập biên bản giám định/bàn giao thiết bị/hạng mục công việc cho bên B;

Phê duyệt phương án/ biện pháp thi công, biện pháp an toàn do bên B lập trước khi thực hiện công việc;

Tổ chức giám sát các hạng mục công việc do bên B thực hiện;

Tạm dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả khi bên B vi phạm các quy định về chất lượng công việc, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

Tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành cho Bên B kể từ ngày Bên B đề nghị nghiệm thu; Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

Tiếp nhận thiết bị sửa chữa và mặt bằng thi công do Bên A bàn giao.

Lập biện pháp thi công, biện pháp kỹ thuật phù hợp với từng công việc sửa chữa để Bên A xem xét phê duyệt;

Bố trí đủ lực lượng cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật, vật tư, thiết bị phù hợp với yêu cầu công việc để tổ chức sửa chữa theo tiến độ Bên A yêu cầu, Bên B lập danh sách cán bộ kỹ thuật và lao động tham gia sửa chữa cho Bên A;

Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết;

Tổ chức sửa chữa đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của từng đợt sửa chữa và không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A;

Được quyền đề xuất với bên A về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện những công việc ngoài phạm vi của hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của bên A;

Thực hiện việc nghiệm thu từng thành phần công việc theo yêu cầu của bên A và theo đúng quy định của Nhà nước;

Được quyền đòi bồi thường thiệt hại khi bên A chậm bàn giao thiết bị và các thiệt hại khác do lỗi của bên A gây ra;

Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công việc hoặc hạng mục công trình do mình đảm nhận.

Sửa chữa sai sót đối với những công việc do mình thi công;

Phối hợp với các nhà cung cấp khác cùng thực hiện trên công trường;

Định kỳ báo cáo với bên A về tiến độ thi công, nhân lực và thiết bị chính để thi công;

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy nổ, giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực của Bên A. Nếu vi phạm thì phải xử lý và bồi thường thiệt hại theo quy định;

Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường trong thời hạn quy định sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao;

Chịu trách nhiệm thu hồi và bàn giao đầy đủ cho bên A những vật tư cũ thay thế;

Sau 07 ngày, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào vận hành, Bên B phải lập xong quyết toán và trình Bên A phê duyệt;

Cấp hoá đơn hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính cho Bên A theo giá trị quyết toán đã thống nhất;

Chịu trách nhiệm bảo hành kết quả sửa chữa theo quy định đối với từng nội dung công việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng;

Tự chịu trách nhiệm về an toàn cho nhân sự và thiết bị của mình trong quá trình thi công.

Điều 4: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán.

1. Giá hợp đồng: VND (đã bao gồm thuế GTGT 8%)

Trong đó:

Bằng chữ:

2. Thuế GTGT: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp nếu thuế GTGT có thay đổi theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn. Việc thực hiện điều chỉnh thuế suất theo quy định của nhà nước không phải thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng và sẽ được thực hiện trong quá trình quyết toán, thanh lý hợp đồng.

3. Thanh toán:

Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản

3.1. Tạm ứng: Không

3.2. Thanh toán

- Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị quyết toán hợp đồng trong vòng 45 ngày làm việc (không tính ngày thứ 7, chủ nhật, lễ, tết) kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;

+ Hóa đơn tài chính 100% giá trị khối lượng hoàn thành Hợp đồng hợp lệ;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được ký xác nhận bởi đại diện hợp pháp của hai bên;

+ Biên bản thanh lý và quyết toán hợp đồng kèm theo bảng tổng hợp giá trị quyết toán;

+ Chứng thư bảo lãnh bảo hành (trong trường hợp áp dụng bảo lãnh bảo hành bằng Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành);

+ Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

Điều 5: Bất khả kháng:

5.1. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm: Các sự cố thiết bị nghiêm trọng xảy ra tại nơi khảo sát, nhà máy tạm dừng để giải quyết các điều kiện kỹ thuật, tạm dừng sản xuất; có sự thay đổi chính sách của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

5.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng không phải là cơ sở để bên kia đòi bồi thường thiệt hại và/hoặc chấm dứt hợp đồng.

5.3. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày sự kiện bất khả kháng xảy ra.

5.4. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng.

5.5. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng mà phải chấm dứt một phần hay toàn bộ hợp đồng, bên bị ảnh hưởng của bất khả kháng phải thông báo cho bên kia chấm dứt một phần hay toàn bộ hợp đồng trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày sự kiện bất khả kháng xảy ra.

5.6. Trong trường hợp phải chấm dứt một phần hợp đồng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị công việc đã hoàn thành và được hai bên thống nhất nghiệm thu.

Điều 6: Phạt khi vi phạm hợp đồng:

6.1. Một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại thì phải bồi thường cho bên còn lại 10% giá trị hợp đồng.

6.2. Một bên vi phạm các điều khoản trong hợp đồng, bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi thường theo khoản 6.1 của Điều này.

Điều 7: Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng:

7.1. Tạm dừng hợp đồng:

a. Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra, các trường hợp bất khả kháng;

b. Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

c. Một bên có quyền dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra nhưng phải thông báo bằng văn bản trong vòng 3 ngày làm việc và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

7.2. Hủy bỏ hợp đồng: Một bên có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng này. Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo cho bên kia việc hủy bỏ hợp đồng.

Điều 8: Điều khoản chung:

8.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc thì hai bên cùng nhau bàn bạc để giải quyết. Mọi phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều được giải quyết bằng văn bản thống nhất giữa hai bên.

8.2. Trường hợp xảy ra tranh chấp mà không thể thương lượng được thì hai bên thống nhất đưa vụ việc lên Tòa án Kinh tế của thành phố/tỉnh nơi đặt trụ sở cơ quan của bên A khởi kiện để giải quyết,

phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên thực hiện, bên thua kiện sẽ chịu hoàn toàn chi phí liên quan tới việc giải quyết tranh chấp.

8.3. Mọi điều khoản, điều kiện khác không quy định trong hợp đồng này được hai bên thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

8.4. Sau 20 ngày kể từ ngày hai bên đã hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi được xác lập trong bản hợp đồng này và hai bên không có ý kiến gì khác thì hợp đồng này coi như đã được thanh lý.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

C.I.C.P * H.

8/8
7